green inside
TA YA GROUP

TA YA
大亞電纜集團
TA YA GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN DÂY VÀ CÁP ĐIỆN TAYA VIỆT NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

Tháng 03 năm 2014

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam

Năm 2013

I. THÔNG TIN CHUNG

1. *Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch : TAYA VIỆT NAM
- Tên tiếng Anh : TAYA (VIET NAM) ELECTRIC WIRE AND CABLE JOINT STOCK COMPANY.
- Logo công ty :
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: 472033000584 do Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp lần đầu ngày 11/07/2008, cấp lần thứ năm thay đổi ngày 13/05/2013.
- Vốn điều lệ : 279.013.770.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 279.013.770.000 đồng.
- Website công ty : www.taya.com.vn
- Mã cổ phiếu : TYA
- **Địa chỉ trụ sở chính** : Số 1, đường 1 A, khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-61-3836361～4 Fax: 84-61-3836388
- E-mail : vndnstock@mail.taya.com.tw
- **Địa chỉ chi nhánh** : km 35, quốc lộ 5A, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Điện thoại : 84-320-3775888～890 Fax: 84-320-3775896
- E-mail : ck_chen@mail.taya.com.tw

2. *Quá trình hình thành và phát triển*

2.1. Ngày thành lập

Ngày 7/10/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy phép Đầu tư điều chỉnh số 414 CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

2.2. Ngày niêm yết

Giấy phép niêm yết cổ phiếu số: 40/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng khoán nhà nước (SSC) cấp ngày 2/12/2005.

2.3. Ngày giao dịch chính thức

Ngày 15 tháng 02 năm 2006 cổ phiếu Taya Việt Nam chính thức giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (nay là Sở dịch Chứng khoán TP.HCM).

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các loại dây và cáp điện cao thế và trung thế 1-35KV, dây và cáp điện hạ thế 600-1000V, cáp điện lực XLPE 600V, cáp điện lực có giáp bằng sợi thép, băng nhôm, băng đồng, băng thép, dây cáp điện chống cháy, dây cáp điện ít khói, dây cáp điện không độc hại, dây đồng trần đơn và xoắn, cáp điều khiển, các loại dây mềm, dây điện dùng trong ôtô, sản xuất động cơ và máy bơm nước.
- Thi công xây lắp các công trình điện.
- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và quyền phân phối các mặt hàng phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật, cụ thể:
  + Các sản phẩm, hàng hóa liên quan đến sản xuất dây và cáp điện(Mã HS: 7409, 7408, 7407, 7403, 7402, 7401, 7606, 7605, 7604, 7217, 7212, 3904, 3901).
  + Các loại công cụ, dụng cụ và vật tư phục vụ thi công công trình điện(Mã HS: 8535, 8467, 8204, 7415, 7320).
  + Các loại thiết bị chiếu sáng(Mã HS: 9405, 8540, 8539, 8512).
- Sản xuất linh kiên, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

3.2. Địa bàn kinh doanh:

- Địa bàn kinh doanh của công ty trải rộng khắp cả nước, chủ yếu chia thành hai phần. Thị trường từ thành phố Đà nẵng trở vào miền nam do trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai phụ trách kinh doanh, chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương phụ trách cung cấp hàng hóa cho thị trường từ thành phố Đà Nẵng trở ra miền bắc.

4. *Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

4.1. Mô hình quản trị của công ty

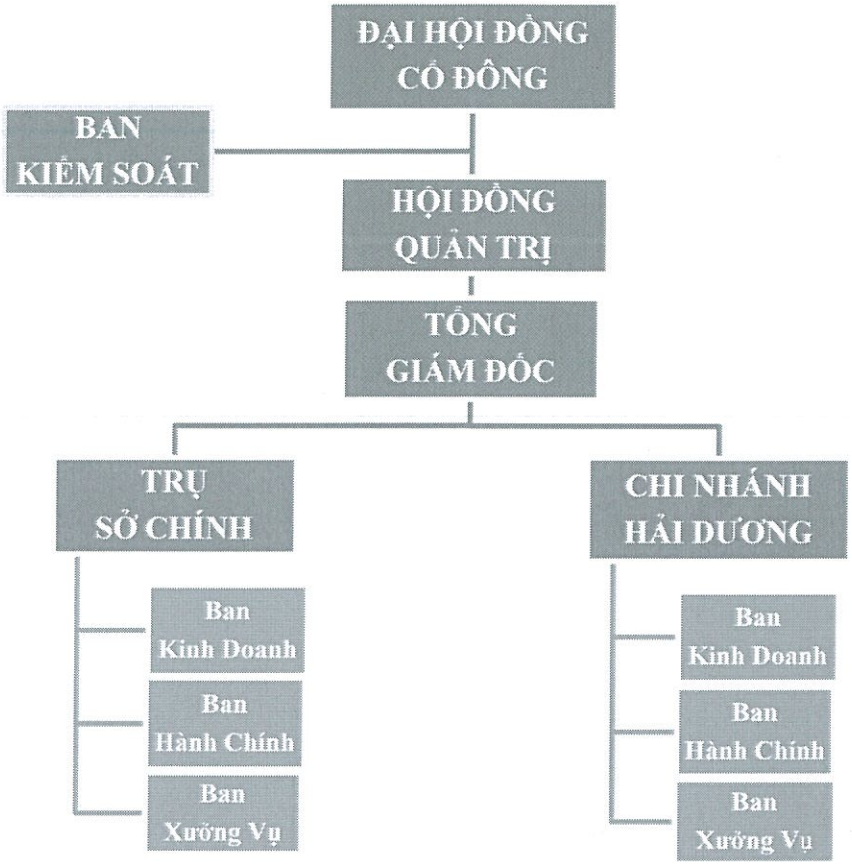

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

- **Trụ sở chính và nhà máy tại tỉnh Đồng Nai:** Nơi đặt nhà máy sản xuất của Công ty tại phía Nam, có văn phòng làm việc của Tổng Giám Đốc và Các Ban chuyên trách gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban Kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ.

  Địa chỉ: Số 1, đường 1 A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam.
  Điện thoại: 061-3836 361-4 Fax: 061-3836 388
  E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

- **Chi nhánh tại tỉnh Hải Dương:** Nơi đặt nhà máy sản xuất dây điện và cáp điện cung cấp cho thị trường từ các tỉnh phía Bắc đến Đà Nẵng. Chi nhánh Hải Dương có cơ cấu tổ chức bộ máy tương tự như tại Nhà máy ở Đồng Nai. Trụ sở chính và các ban chuyên trách của Chi nhánh đặt tại Nhà máy. Đứng đầu chi nhánh là Phó Tổng Giám Đốc Taya Việt Nam.

  Địa chỉ: Km 35 QL 5 – Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương.
  Điện thoại: 0320 – 3775888 0320 – 3775890～892 Fax: 0320 – 3775 896
  Email: ck_chen@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

- **Văn phòng đại diện tại Tp.HCM:** Nơi đặt văn phòng liên lạc thương mại cung cấp dây điện và cáp điện cho thị trường Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

  Địa chỉ: Số 135/17/25-27, đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường 22 quận Bình Thạnh, Tp.HCM.
  Điện thoại: 08-35128861-3 Fax: 08-35128790
  E-mail: kao@mail.taya.com.tw Website: www.taya.com.vn

SƠ ĐỒ CƠ CẤU QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

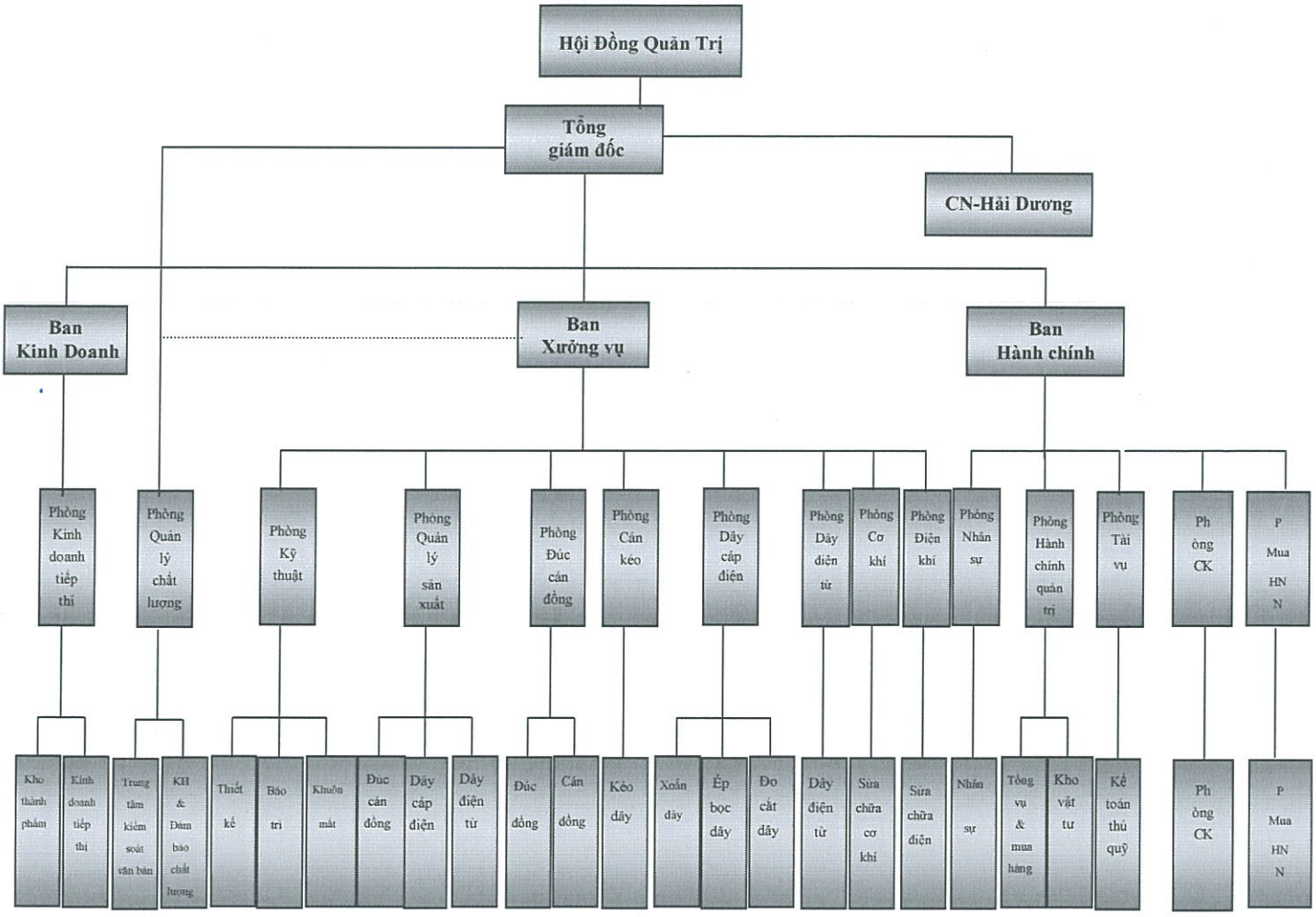

- **Các ban chuyên trách:** Là những ban trực tiếp điều hành công việc của nhà máy theo chức năng chuyên môn và nhận sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc (đối với chi nhánh Hải Dương). Cơ cấu tổ chức của Taya được thiết lập bao gồm: Ban Hành chính quản trị, Ban kinh doanh tiếp thị, Ban Xưởng vụ. Chức năng nhiệm vụ của các Ban được quy định như sau:

  Ban Hành chính quản trị: Có chức năng quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý chứng khoán và quản lý tổng vụ. Thực hiện nhiệm vụ về kế toán và thủ quỹ, lương và các chính sách cho người lao động, xuất nhập khẩu và mua nguyên vật liệu, mua văn phòng phẩm và các thiết bị văn phòng, quản lý kho nguyên liệu...

  Ban kinh doanh tiếp thị: Có chức năng trong việc xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động tiếp thị. Thực hiện nhiệm vụ mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, tham gia đấu thầu cung cấp sản phẩm, xây dựng giá bán và đưa ra giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy bán hàng, quản lý kho thành phẩm, vận tải hàng hóa...

  Ban xưởng vụ: Có chức năng trong việc điều hành sản xuất và bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thực hiện nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch sử dụng nguyên liệu, thực hiện các việc kiểm tra chất lượng, bảo trì sửa chữa và vận hành các máy móc thiết bị.

4.3. Hình ảnh sản phẩm tiêu biểu

- Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt.
- Dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V.
- Dây cáp điện trung áp từ 1KV đến 35KV.

- Các loại dây điện từ chịu nhiệt từ 155℃ đến 200℃.
  (PEW, UEW, EAIW, SEIW, SPEIW…)

➢ **Dây cáp điện chống cháy, chịu nhiệt**

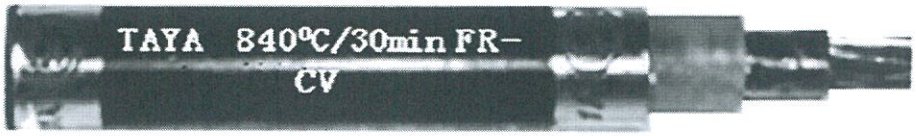

➢ **Chủng loại sản phẩm dây cáp điện hạ thế từ 600V đến 1.000V**

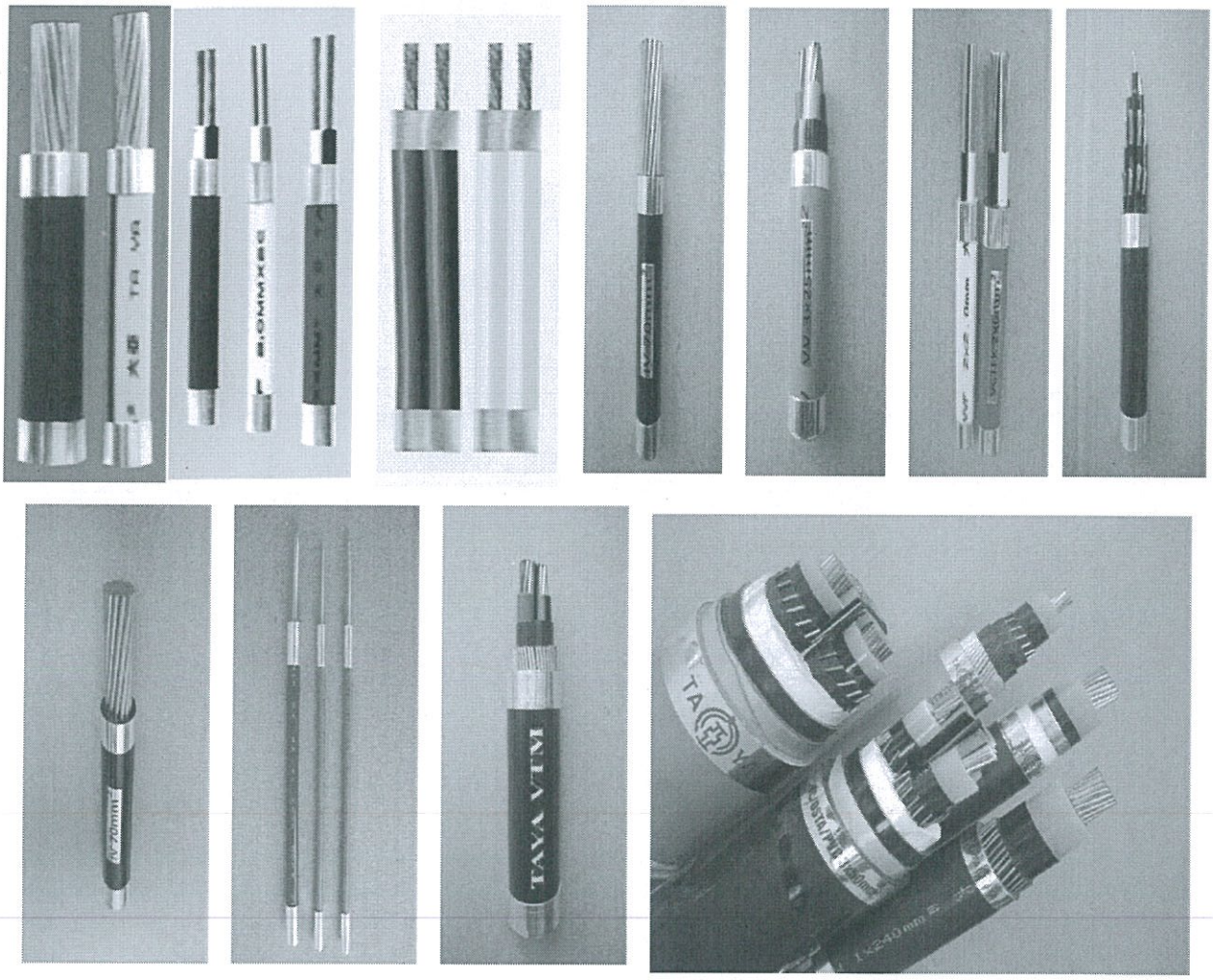

➢ **Dây cáp điện trung áp từ 1KV ~ 35 KV**

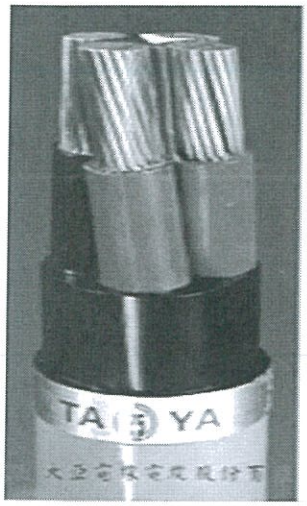

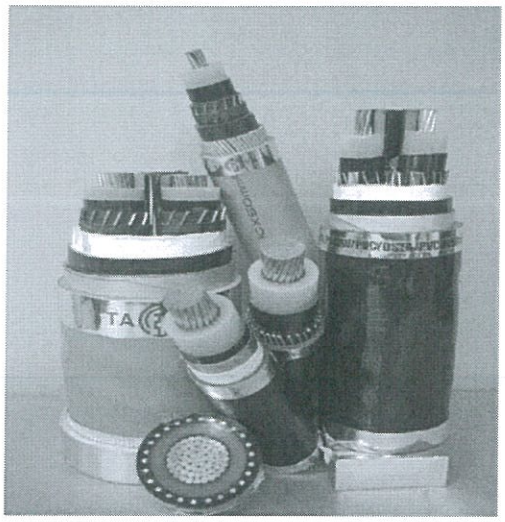

- Các loại dây điện từ PEW (cấp chịu nhiệt 155℃), dây điện từ UEW (cấp chịu nhiệt 155℃), dây điện từ EAIW (cấp chịu nhiệt 200℃), dây điện từ SEIW (cấp chịu nhiệt 180℃), dây điện từ SPEIW (cấp chịu nhiệt 180℃)…

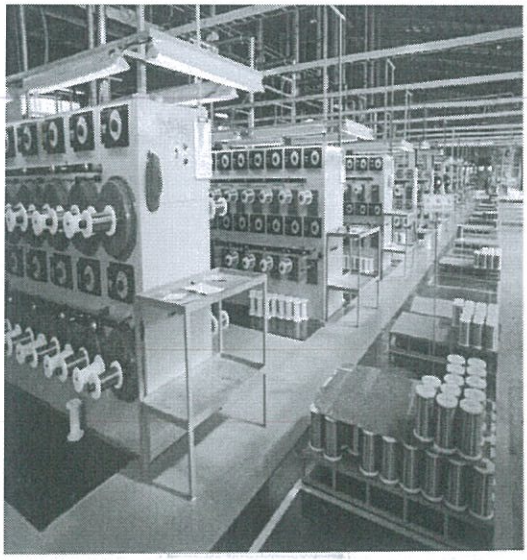

PEW

聚酯漆包銅線

Dây điện từ Polyester

Polyester Enameled Wire

耐温等級 : 155°C

Cấp chịu nhiệt : 155°C

Thermal Rating: 155°C

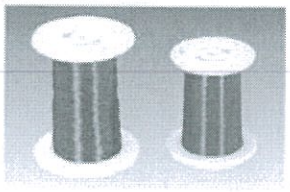

PEW-NY

尼龍外被聚酯漆包銅線

Dây điện từ Polyester với lớp Polyamide phủ ngoài

Polyamide Overcoated Polyester Enameled Wire

耐温等級 : 155°C

Cấp chịu nhiệt:155°C

Thermal Rating: 155°C

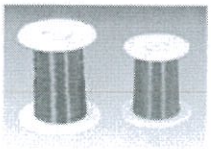

UEW+NY
尼龍外被聚胺酯漆包銅線
Dây điện từ Polyurethane có phủ Polyamide
Polyamide Over Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C
Cấp chịu nhiệt : 130°C/155°C
Thermal Rating: 130°C/155°C

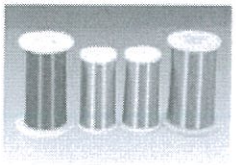

UEW
聚胺酯漆包銅線
Dây điện từ Polyurethane
Polyurethane Enameled Wire
耐温等級 : 130°C/155°C/180°C
Cấp chịu nhiệt: 130°C/155°C/180°C
Thermal Rating: 130°C/155°C/180°C

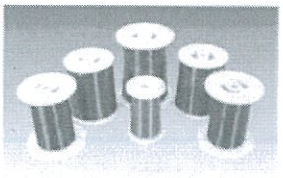

SEIW
直焊變性聚亞胺酯漆包銅線
Dây điện từ Polyester-Imide có tính tự hàn
Solderable Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt:180°C
Thermal Rating: 180°C

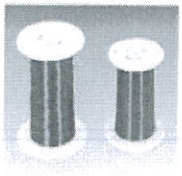

EAIW
醯胺亞胺外被變性聚酯漆包銅線
Dây điện từ Polyester-Imide được phủ Amide-Imide
Amide-Imide Overcoated Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 200°C
Cấp chịu nhiệt: 200°C
Thermal Rating: 200°C

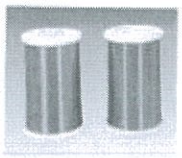

PVF
聚乙烯甲醛漆包銅線
Dây điện từ Polyvinyl Formal
Polyvinyl Formal Enameled Wire
耐温等級 : 105°C
Cấp chịu nhiệt: 105°C
Thermal Rating: 105°C

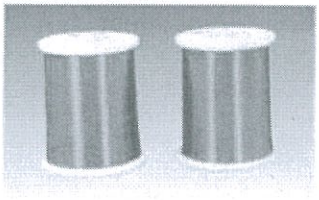

EIW
聚酯亞胺漆包銅線
Dây điện từ Polyester-Imide
Polyester-Imide Enameled Wire
耐温等級 : 180°C
Cấp chịu nhiệt:180°C
Thermal Rating: 180°C

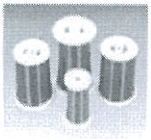

5. *Định hướng phát triển*

5.1. Mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng công ty trở thành nhà sản xuất dây và cáp điện hàng đầu tại Việt Nam, sản phẩm đạt chất lượng cao, đủ khả năng thay thế hàng nhập khẩu.
- Phát triển thương hiệu Taya lớn mạnh trên thị trường Việt Nam và khu vực.
- Tăng trưởng doanh thu xuất khẩu đạt trên 20%/năm.
- Chiếm 20% thị phần sản xuất dây cáp điện trong nước.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Chuyển đổi ý tưởng kinh doanh công ty, đặt mục tiêu kinh doanh song song với việc theo đuổi lợi nhuận và tối đa hóa tăng trưởng giá trị tài sản dài hạn (bao gồm tài sản vô hình), từ đó kết hợp mọi hỗ trợ toàn diện từ các đối tác kinh doanh liên quan như: các nhà cung ứng, nhà tiêu dùng, nhân viên công ty và các tổ chức xã hội ... chuyển đổi ý tưởng "kinh doanh thu lợi" thành ý tưởng "đổi mới thu lợi" bao gồm: Đổi mới chiến lược về quản lý, kỹ thuật, sản phẩm và bán hàng nhằm đẩy mạnh công ty ngày càng phát triển.

A. <u>Phát triển thị trường:</u>

1. Tận dụng ưu thế thương hiệu, ưu thế kỹ thuật và ưu thế quản lý tạo dựng mối quan hệ liên kết, hợp tác ngành , mở rộng quy mô kinh doanh và nâng cao vị thế trong tỷ trọng ngành.
2. Phát triển sản phẩm ngôi sao cáp điện trung cao áp, cáp điện chịu nhiệt, chống cháy, cáp điện ít khói không độc.
3. Phát triển sản xuất sản phẩm dây cáp điện bảo vệ môi trường.

B. <u>Phát triển nguồn nhân lực:</u>

1. Đào tạo, nâng cao tay nghề công nhân.
2. Thu hút nhân sự có năng lực.
3. Tập huấn tại nước ngoài.
4. Đãi ngộ phù hợp với xu thế chung.

*C. **Đầu tư phù hợp:***

Giá cả nguyên liệu đồng thường bị chi phối do cung cầu thị trường thế giới và tình hình đầu cơ tích trữ của các định chế tài chính, các quỹ đầu tư quốc tế và tác động của tỷ giá hối đoái biến động, gây ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro, công ty luôn tập trung mua sắm nguyên liệu với khối lượng lớn nhằm tạo lợi thế khi đàm phán về giá. Ngoài ra, công ty đẩy mạnh hàng hóa xuất khẩu để thu hút ngoại tệ về cho công ty.

5.3. Mục tiêu môi trường, xã hội và cộng đồng

- Bảo vệ môi trường an toàn, sạch, đẹp.

Những năm vừa qua, Tập đoàn Taya đã dành toàn lực nghiên cứu phát triển, sản xuất ra thị trường các loại cáp điện bảo vệ môi trường, những sản phẩm này sử dụng nguyên liệu nhựa (pvc) không hàm chứa nguyên tố HALOGEN độc hại (F, Cl, Br, I, At, Uus), có khả năng chống lan cháy, ít khói không độc (không sản sinh ra khí độc Dioxin, Hydracid khi bị cháy). Những công trình xây dựng và nhà ở khi sử dụng sản phẩm của công ty sẽ được đảm bảo an toàn hơn, góp phần xây dựng môi trường sống màu xanh, tươi đẹp cho công đồng và xã hội chúng ta.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất trong năm:

Năm 2013 doanh thu Công ty đạt khoảng 1.067,1 tỷ đồng, giảm 6,70% so với kế hoạch, tăng 16,92% so với thực hiện năm 2012; Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 30,4 tỷ đồng tăng 3,21% so với kế hoạch năm 2013.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu năm 2013 khoảng 2,85% giảm 24,40% so với 3,77% năm 2012. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn cổ phần 2013 khoảng 10,88% giảm 11,69% so với 12,32% của năm 2012.

1.2. Tình hình thực hiên so với kế hoạch:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Tăng/giảm Kim ngạch	Tăng/giảm so với KH (%)
Vốn điều lệ (triệu đồng)	279.014	279.014	-	-
Doanh thu (triệu đồng)	1.143.742	1.067.117	-76.625	-6,70
Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	33.470	37.366	3.896	11,64
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	29.300	30.374	1.074	3,21
LN sau thuế/Doanh thu (%)	2,56	2,85	0,29	11,33
LN sau thuế/Vốn cổ phần (%)	10,50	10,88	0,38	3,62

Phân tích nguyên nhân:

Sáu tháng đầu năm 2013 giá đồng LME bình quân khoảng 7.536,5USD/T, giá vốn tương đối cao hơn, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 6,7%, lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2013 khoảng 12,1 tỷ đồng. Chuyển sang sáu tháng cuối năm 2013, giá đồng LME bình quân giảm còn 7.115,7USD/T, tỷ suất lợi nhuận gộp là 10,45%, lợi nhuận sau thuế sáu tháng cuối năm 2013 của công ty khoảng 18,3 tỷ đồng, tăng 6,2 tỷ đồng tương đương 51,24% so với sáu tháng đầu năm 2013. Cả năm 2013 công ty lãi khoảng 30,4 tỷ đồng, tăng khoảng 1,07 tỷ đồng so với kế hoạch.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

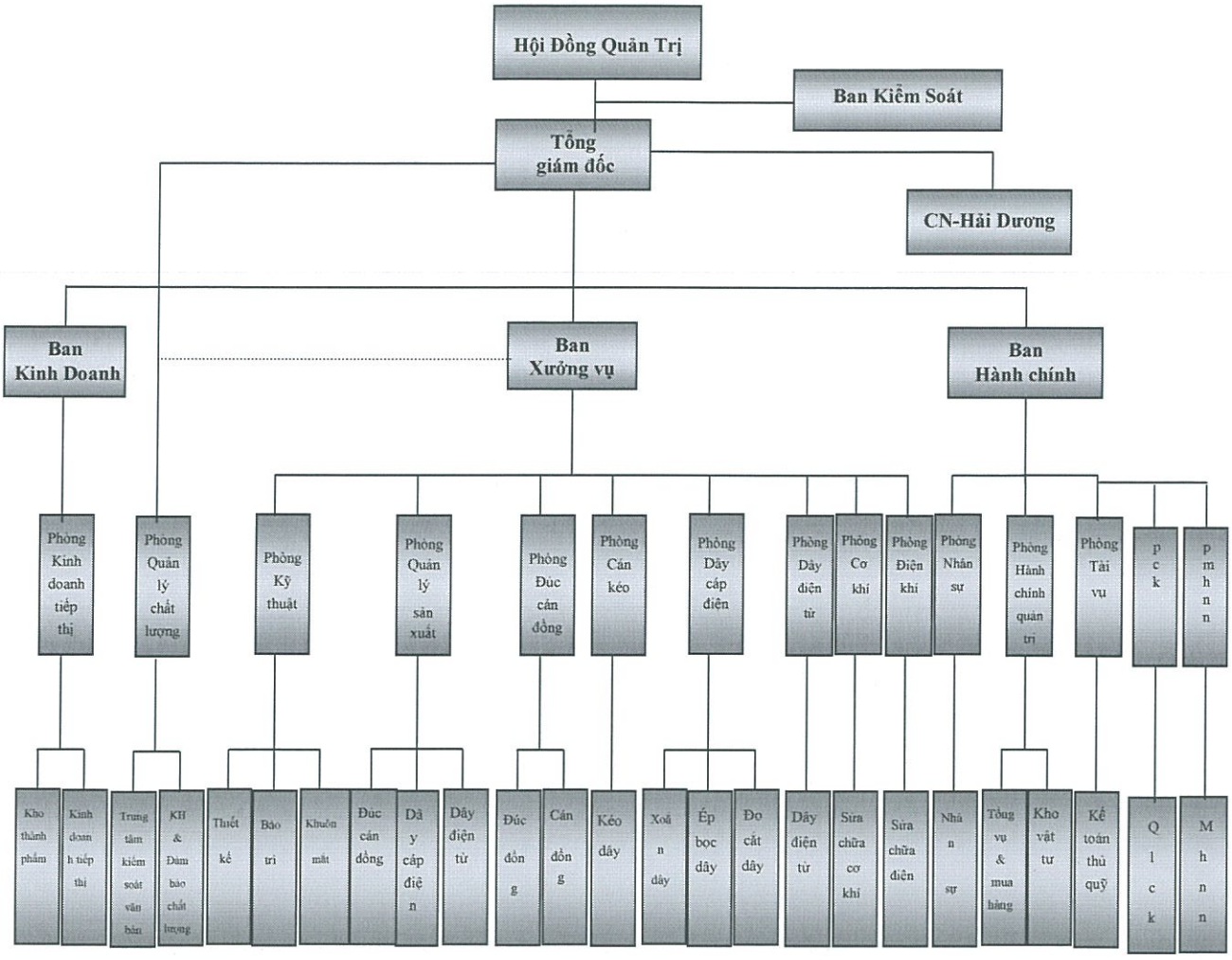

2.2. Danh sách Ban điều hành:

- Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông Đài Loan.
Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Chen Chung Kuang

Chức vụ hiện tại: phó Tổng giám đốc.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại học văn hóa Trung Quốc Đài Loan, MBA New York Institute of Technology
Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

- Ông Sung Hsiang Lin

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Cử nhân Tài chính kế toán Aletheia University Đài Loan.
Cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Thay đổi kế toán trưởng

- Ông Sung Hsiang Lin được HĐQT ủy nhiệm chức vụ kế toán trưởng thay thế Ông Hung Chung Ming có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 03 năm 2013.

2.4. Số lượng Cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động của Taya Việt Nam ở Trụ sở chính Đồng Nai và Chi nhánh Hải Dương đến thời điểm 31/12/2013 là 408 người với 115 cán bộ quản lý. Lao động nước ngoài chiếm 2,7% tổng số lao động và chủ yếu giữ các vị trí quản lý. Trình độ văn hóa của lao động chiếm tỷ lệ như sau: trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 20%, trung cấp chiếm 22% và trung học phổ thông trở xuống chiếm 58%.

Chính sách lương:

Căn cứ trình độ chuyên môn áp dụng mức cao hơn mức lương qui định hiện hành của chính phủ. Khi kết thúc thời gian thử việc, qua đánh giá khả năng làm việc công nhân được nhận làm việc chính thức. Khi đó mức lương sẽ được tăng lên từ 7% - 15% tùy vị trí. Mỗi năm (thường là vào cuối năm) dựa vào kết quả đánh giá công ty điều chỉnh tăng lương cho nhân viên. Việc tính toán lương tăng ca, làm đêm theo quy định của Luật Lao động.

Ngoài tiền lương, người lao động tùy theo vị trí công việc mà được hưởng các khoản trợ cấp như trợ cấp làm đêm, trợ cấp chức vụ, trợ cấp chuyên cần, trợ cấp giao thông, trợ cấp khác…

Chính sách thưởng:

Nhân viên trong Công ty làm việc trên 1 năm được thưởng tháng lương thứ 13 Hoặc từ 2 tháng lương bình thường trở lên tùy theo lợi nhuận hàng năm của Công ty.

Ngoài mức thưởng trên, nhân viên còn được hưởng các phúc lợi khác vào dịp lễ 30/4, 1/5, tặng quà vào dịp tết Trung thu, được công ty chi trả tiền đồng phục, tiền cơm trưa.

Hỗ trợ nhân viên lễ cưới, đau ốm, tai nạn lao động và tang lễ:

Tiền mừng lễ cưới đối với nhân viên làm việc trên 1 năm là 1.000.000 đồng; làm việc dưới 1 năm là 700.000 đồng; 500.000 đồng đối với con cái nhân viên công ty. Ngoài ra, khi nhân viên bị đau ốm hoặc tai nạn lao đồng tiền thăm hỏi là 300.000 đồng còn tang lễ là 700.000 đồng.

Chính sách đào tạo nhân viên:

Đào tạo chuyên môn: Đào tạo tại chức định kỳ và đào tạo tại nước ngoài.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dứ án

Trong năm 2013, tình hình kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng tuy đã có những dấu hiệu phục hồi, nhưng thị trường vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro và khó khăn nhất định. Vì vậy, ngay từ đầu công ty không có các khoản đầu tư lớn nào cho khu vực tài chính và dự án lớn, chủ yếu tập trung vào những hạng mục hiện hữu và khai thác thêm những sản phẩm phụ trợ nhằm tạo lợi nhuận cho công ty như sau:

- Cho thuê nhà xưởng.
- Sản xuất linh kiện, thiết bị, phụ tùng dùng cho ngành điện.
- Thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

4. Đánh giá rủi ro

Kinh tế thế giới năm 2013 tuy có những dấu hiệu phục hồi tại một số quốc gia Châu Á như Trung Quốc 7,5%, Việt Nam 5,4%, Myanma 6,7%…và một số quốc gia phát triển khác như Mỹ 1,6%, 17 nước thành viên Eurozone đạt 0,3%, nhưng vẫn còn tiềm ẩn những bất ổn và rủi ro nhất định như mức tăng thấp kéo dài và nợ công châu Âu và suy giảm tăng trưởng ở Trung Quốc và Ấn Độ sẽ tác động trực tiếp đến tình hình phát triển kinh tế năm 2014 mặc dù được đánh gía là khả quan hơn so với năm 2013.

5. Quản lý rủi ro

Nguyên liệu chính của dây cáp điện là nguyên liệu đồng, giá đồng biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến giá bán và lợi nhuận của sản phẩm. Sau đây là chính sách quản lý rủi ro do công ty hoạch định:

Đối nội :

- Duy trì nguyên liệu tồn kho an toàn: Đảo bảo khả năng sản xuất, cung ứng hàng hóa ổn định.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm: Nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của thương hiệu công ty.
- Quản lý tài chính nghiêm ngặt: Đảm bảo vòng quay vốn nhanh, giảm nợ xấu.
- Hệ thống bán hàng rộng khắp: Đảo bảo lưu thông hàng hòa, tăng thị phần.
- Mua hàng tập trung: Giành ưu thế đàm phán giá mua, giúp tăng lợi nhuận sản xuất.
- Cập nhật thị trường nguyên liệu thế giới: Xây dựng giá linh hoạt, duy trì ưu thế cạnh tranh.

Đối ngoại :

- Xây dựng quan hệ khách hàng: Giúp tiêu thụ sản phẩm, tăng thị phần.
- Am hiểu môi trường kinh doanh: Cung ứng hàng hóa vừa và đủ, giảm nợ xấu và xây dựng chiến lược giá bán phù hợp.
- Nghiên cứu đối thủ cạnh tranh: Cải tiến bản thân, tạo ưu thế vượt trội.
- Theo dõi động thái lãi suất và tỷ giá hối đoái: Duy trì hạn mức tín dụng, tránh rủi ro tài chính.

6. Báo cáo tình hình tài chính

6.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	637.196.607.876	633.817.836.876	0,53
Doanh thu thuần	1.067.117.349.495	912.726.982.850	16,92
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.774.961.178	28.983.140.661	13,08
Lợi nhuận khác	7.071.952.914	8.280.203.052	-14,59
Lợi nhuận trước thuế	37.365.583.097	34.250.428.048	9,10
Lợi nhuận sau thuế	30.373.810.697	34.371.132.599	-11,63
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2013	Năm 2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản và vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,86	22,99
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,14	77,01
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	51,65	56,18
- Hệ số nợ /vốn chủ sở hữu	%	106,82	128,22
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
2.1. Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/nợ ngắn hạn)	%	155,17	137,07
2.2. Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ-hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn	%	110,66	77,86
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,85	3,77
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	9,86	12,38
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	4,77	4,79

CHỈ TIÊU	Đvt	Năm 2013	Năm 2012
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,07	3,18

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

7.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty tại thời điểm báo cáo là: 27.901.377 cổ phần thuộc cổ phần phổ thông. Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do là: 5.569.130 cổ phần. Số lượng cổ phiếu quỹ là: 9.363 cổ phần. Số lượng cổ phần chuyển nhượng có điều kiện là: 22.322.884 cổ phần (theo cam kết của người sở hữu là cổ đông sáng lập nước ngoài).

7.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng cổ phần	**4.715.646**	**16,90**	**23.185.731**	**83,10**	**27.901.377**	**100**
Sở hữu nhà nước	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	22.322.884	80,01	22.322.884	80,01
Cổ đông pháp nhân	175.934	0,63	-	-	175.934	0,63
Cổ đông cá nhân	4.529.898	16,24	814.829	2,92	5.344.727	19,16
Pháp nhân chuyên nghiệp	451	0,00	48.018	0,17	48.469	0,17
Cổ phiếu quỹ	9.363	0,03	-	-	9.363	0,63
Tổng cộng	**4.715.646**	**16,90**	**23.185.731**	**83,10**	**27.901.377**	**100**

7.3. Cơ cấu sở hữu vốn:

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư CSH	***45.126.750.000***	***16,17***	***233.887.020.000***	***83,83***	***279.013.770.000***	***100***
Cổ đông Nhà nước	-		-	-	-	-
Cổ đông sáng lập	-	-	223.228.840.000	80,01	223.228.840.000	80,01
Cổ đông lớn sở hữu từ 5% trở lên	-	-	-	-	-	-
Cổ đông sở hữu từ 1 đến dưới 5%	3.154.100.000	1,13	-	-	3.154.100.000	1,13
Cổ đông sở hữu dưới 1 %	41.879.020.000	15,01	10.658.180.000	3,82	52.537.200.000	18,83
Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	93.630.000	0,03	-	-	93.630.000	0,03

7.4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:

- Không thay đổi.

7.5. Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:

- Không giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

7.6. Phát hành chứng khoán khác trong năm:

- Không phát hành chứng khoán trong năm.

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

ĐVT: nghìn đồng

CHỈ TIÊU	2013	2012	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.067.117.349	912.726.982	154.390.366	16,92
2. Giá vốn hàng bán	987.287.916	833.384.800	153.903.116	18,47
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	79.829.432	79.342.182	487.249	0,61
4. Doanh thu hoạt động tài chính	7.866.253	8.872.767	-1.006.513	-11,34
5. Chi phí tài chính	9.515.442	13.465.227	-6.058.617	-60,35
6. Chi phí bán hàng	19.316.499	18.473.193	843.305	4,57
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.088.783	27.293.388	-1.204.604	-4,41
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	32.774.961	28.983.140	3.791.820	13,08
9. Thu nhập khác	7.071.952	5.280.203	1.791.749	33,93
10. Chi phí khác	2.481.330	12.915	2.468.415	-
11. Lợi nhuận trước thuế	37.365.583	34.250.428	3.115.155	9,10
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.974.881	0	5.974.881	-
13. Thu nhập(chi phí)thuế thu nhập hoãn lại	1.016.891	(120.704)	1.137.595	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.373.810	34.371.132	-3.997.321	-11,63
15. Lãi lỗ cơ bản trên cổ phiếu(đồng/cp)	1.089	1.232	-143	-11,61

2. Phân tích tổng quan hoạt động công ty

So sánh kết quả kinh doanh năm 2013 và năm 2012 có nhiều thay đổi đáng kể:

- **Doanh thu:** Doanh thu năm 2013 khoảng 1.067,1 tỷ đồng tăng 16,92% so vời năm 2012. Trong đó, tiêu thụ nội địa chiếm 80% (giảm 3%) và xuất khẩu chiếm 20% (tăng 3%) so với năm 2012. Chủ yếu do tăng doanh thu bán hàng ở khâu xuất khẩu và xuất khẩu tại chỗ tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu:** Chi phí này năm 2013 ở mức 1,81% thấp hơn mức 2,02% của năm 2012 trong khi doanh thu năm 2013 tăng 16,92%, phản ánh công việc quản lý chi phí bán hàng của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí quản lý/doanh thu:** Chi phí này năm 2013 ở mức 2,44% thấp hơn mức 2,99% của năm 2012 phản ánh công tác quản lý chi phí của công ty rất hiệu quả.
- **Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính năm 2013 khoảng 0,89% thấp hơn nhiều so với mức 1,48% của năm 2012, chủ yếu do tỷ giá quy đổi năm 2013 tương đối ổn định và ảnh hưởng bởi chi phí lãi vay giảm thiểu.
- **Thuế TNDN:** Năm 2013 chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty khoảng 5,9 tỷ đồng là thuế TNDN phát sinh của chi nhánh công ty tại tỉnh Hải Dương.
- **Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo(Book Value):**

Chỉ tiêu	2013	2012	2011
Giá trị sổ sách (đồng/cp)	11.027	9.935	8.722

3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản

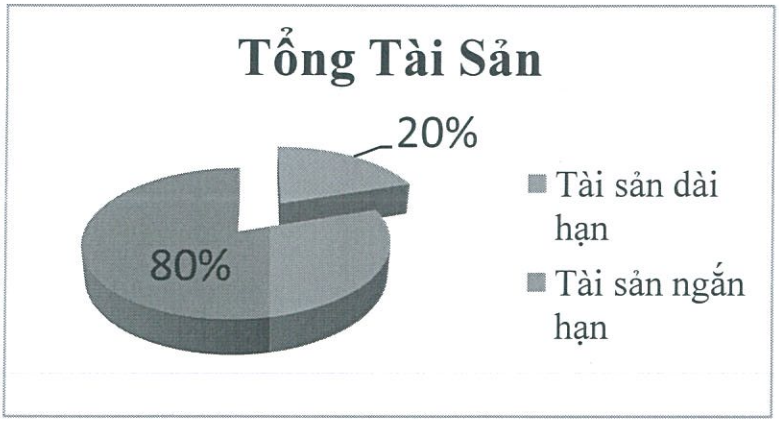

- Tổng tài sản công ty năm 2013 khoảng 637.196.607.876 đồng, trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm 80%, do tài sản ngắn hạn trong thời gian ngắn đã hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Vì vậy, khi dự tính cho thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường dễ hơn và tương đối chuẩn xác, thị trường biến động ít do trong thời gian ngắn hạn, rủi ro về kinh doanh tương đối nhỏ.
- Ngược lại, đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định phải trong thời gian dài mới hoàn thành xoay vòng vốn và tạo ra giá trị. Trong điều kiện thời gian dài thì thị trường biến động khó lường, công ty dự tính thị trường kỳ vọng đối với loại tài sản này thường khó hơn và không chuẩn xác.
- Cơ cấu tài sản khác nhau sẽ gặp phải những rủi ro cũng khác nhau. Tài sản dài hạn, tài sản cố định càng lớn thì mức độ hứng chịu rủi ro cũng sẽ lớn.

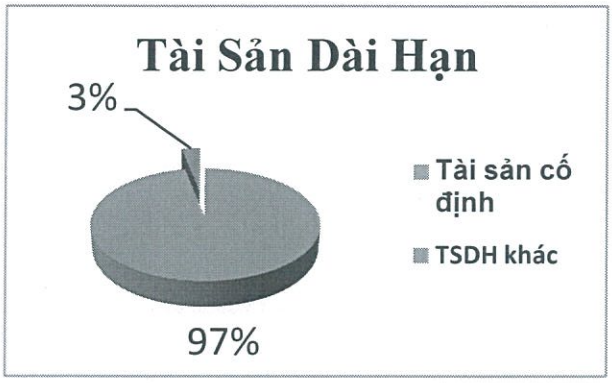

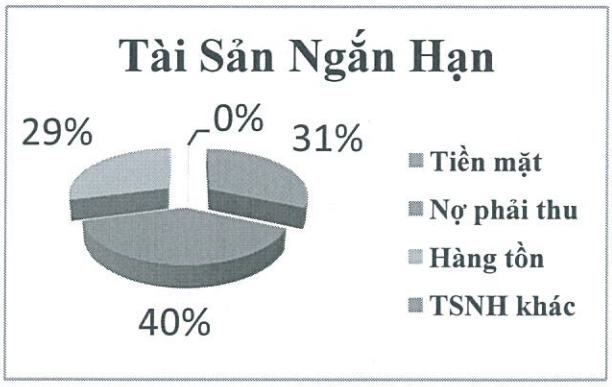

3.2. Tình hình nợ phải trả:

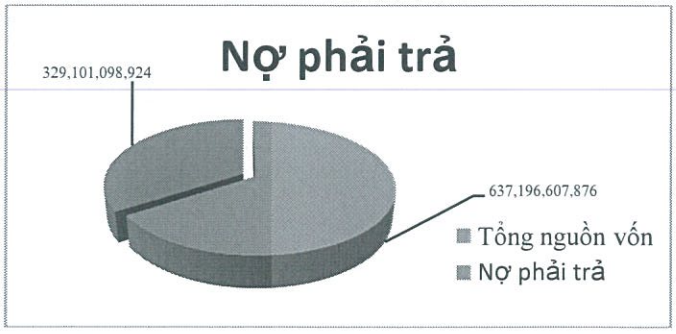

- Nợ phải trả Công ty chiếm 51% Tổng nguồn vốn, tỷ lệ này càng cao càng thể hiện khả năng thiếu an toàn trong cơ cấu tài chính của doanh nghiệp. Vì vậy, tùy theo tính đặc thù của mỗi doanh nghiệp có thể có nhiều tỷ lệ khác nhau, mà tỷ lệ lý tưởng nhất là ở khoản 50%.

- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2013 là 155,17% cao hơn 137,07% của năm 2012, phản ánh năng lực huy động vốn lưu động để thanh toán nợ ngắn hạn của công ty năm 2013 tốt hơn năm 2012, tức vốn ngắn hạn của công ty dồi dào không xảy ra nguy cơ về tín dụng.
- Hệ số thanh toán nhanh năm 2013 là 110,66% cao hơn 77,86% của năm 2012, chủ yếu do tăng tiền và các khoản tương đương tiền, thể hiện năng lực thanh toán nhanh của công ty rất lý tưởng.
- Hệ số lợi nhuận năm 2013 là 2,85% thấp hơn 3,77% của năm 2012, phản ánh giá vốn tăng cao ảnh hưởng giảm lợi nhuận của công ty.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị

1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty

Trong bối cảnh phát triển kinh tế còn nhiều khó khăn, kết quả hoạt động năm 2013 của công ty, doanh thu tăng 16.92% so với năm 2012, tuy lợi nhuận sau thuế thấp hơn năm 2012, nhưng nhìn chúng đã đạt được mục tiêu của công ty đề ra.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Tổng giám đốc

Trong quá trình thực hiện quản trị công ty, Tổng giám đốc luôn tuân thủ pháp luật và quy chế nội bộ của công ty không vi phạm pháp luật, tình hình hoạt động tài chính lành mạnh, bình thường không có dấu hiệu khác thường hoặc sử dụng vốn sai lệch mục đích, hoặc đầu tư ngành nghề khác khi chưa được Hội đồng quản trị chấp thuận.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu năm 2013 chưa thực sự khởi sắc và ảnh hưởng do rủi ro nợ công Châu Âu kéo dài, thời gian qua, công ty cố gắng vượt qua không ít khó khăn và thử thách, lợi nhuận sau thuế năm 2013 của công ty đạt khoảng 30,4 tỷ đồng vượt trên dự tính.

Triển vọng cho năm 2014 tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục khó khăn do ảnh hưởng của năm 2013 chuyển sang. Theo đánh giá khách quan, Hội đồng quản trị dự tính kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014 như sau:

Đvt: (Nghìn đồng)

CHỈ TIÊU	2014
Doanh thu thuần	1.115.882.000
Lợi nhuận gộp	91.823.886
Lợi nhuận trước thuế	40.815.645
Chi phí thuế TNDN	4.961.320
Lợi nhuận sau thuế	35.854.325

Các số liệu trình bày trên đây là dựa trên cơ sở dự tính giá đồng bình quân trong năm ở mức 7.500USD/T và tỷ giá ổn định ở mức 21.900VND/USD. Nếu giá đồng và tỷ giá hối đoái biến động lớn công ty sẽ điều chỉnh lại các chỉ tiêu trên.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Ông Shen Shang Pang

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam
Phó chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1953

Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán

Trình độ văn hóa: Đại học Côn Sơn, Đài Loan.

Ông Shen Shang Tao

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Phó Tổng giám đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Ngày tháng năm sinh: 16/12/1960
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại học Nam California, Hoa Kỳ.

Ông Shen Shang Hung

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Chủ tịch HĐQT Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Ngày tháng năm sinh: 16/11/1958
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại Học Đài Loan, MBA Đại Học Emory, Hoa Kỳ.

Ông Shen San Yi

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Tổng Giám Đốc Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Ngày tháng năm sinh: 09/3/1961
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại Học Côn Sơn, Đài Loan.

Ông Wang Ting Shu

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Ngày tháng năm sinh: 03/12/1954
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại học khoa học kỹ thuật Viễn Đông.

Ông Tsai Chung Cheng

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/04/1949
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Cao đăng thương nghiệp Đài Nam.

Ông Tu Ting Jui

Chức vụ hiện tại: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Ngày tháng năm sinh: 19/08/1948
Nơi sinh: Đài Nam, Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Cao đăng thương nghiệp Đài Nam.

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nhưng Hội đông quản trị đã thông qua và chỉ định hai ông thành viên độc lập đảm nhiệm công việc của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Ông Tsai Chung Cheng chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban nhân sự của HĐQT.

- Ông Tu Ting Jui chịu trách nhiệm về công việc tiểu ban lương thưởng của HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Năm 2013 HĐQT đã họp 15 lần, trong đó 04 lần trao đổi trực tiếp qua truyền hình nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của công ty. Trong hội nghị, Hội đồng quản trị đặc biệt lưu ý nhắc nhở, đôn đốc Ban điều hành công ty luôn phải theo sát tình hình biến động tỷ giá hối đoái trong nước và siết chặt quản lý hàng hóa nguyên liệu tồn kho nhằm phục vụ sản xuất.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ông Wang Yen Huang

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Chủ nhiệm phòng kế hoạch Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Ngày tháng năm sinh: 25/8/1952
Nơi sinh: Đài Nam
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: MBA Đại học khoa học kỹ thuật Cao Hùng , Đài Loan.

Ông Wang Wen Ruey

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Tổng Giám đốc Great China Electric Wire & Cable Co., Ltd
Ngày tháng năm sinh: 31/8/1951
Nơi sinh: Đài Loan
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: Đại Học Đông Ngô, Đài Loan.

Ông Chiu Tsung Jen

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Dây và Cáp Điện TAYA Việt Nam
Tổng giám đốc Ban xây dựng Taya Electric Wire & Cable Co., Ltd
Tổng giám đốc Công ty CPHH xây dựng Taya Việt Nam
Ngày tháng năm sinh: 30/09/1957
Nơi sinh: Đài Loan.
Quốc tịch: Đài Loan (R.O.C) Dân tộc: Hán
Trình độ văn hóa: MBA Đại học California Hoa Kỳ.

b. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát một năm họp bốn (4) lần, chủ yếu bàn thảo trao đổi kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Mỗi quỹ Ban kiểm soát cử đại diện kiểm tra giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.

3. Các giao dịch, thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

a. Lương, thù lao của Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát

- Năm 2013 công ty tuy có lãi khoảng 30,4 tỷ đồng, nhưng lợi nhuận chưa phân phối chỉ khoảng 7,8 tỷ đồng. Vì vậy công ty không chi trả thù lao năm 2013 cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b. Thù lao khác

- Ông Shen Shang Pang (chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.

- Ông Shen Shang Tao (phó chủ tịch HĐQT) 5.000USD/tháng.
- Ông Chiu Tsung Jen (thành viên BKS) 1.350USD/tháng.

c. Giao dịch cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị:

- Không có giao dịch.

d. Xung đột lợi ích với công ty:

- Không có xung đột lợi ích.

4. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Số lượng sở hữu
I	**Hội đồng Quản trị**		
1.	Shen Shang Pang	Chủ tịch HĐQT	63.504
2.	Shen Shang Tao	Phó chủ tịch HĐQT	40.666
3.	Shen Shang Hung	Thành viên HĐQT	42.220
4.	Shen San Yi	Thành viên HĐQT	76.941
5.	Tsai Chung Cheng	Thành viên HĐQT độc lập	0
6.	Tu Ting Jui	Thành viên HĐQT độc lập	0
7.	Wang Ting Shu	Thành viên HĐQT	0
II.	**Ban kiểm soát**		
1.	Wang Yen Huang	Trưởng Ban kiểm soát	0
2.	Chiu Tsung Jen	Thành viên BKS	2.100
3	Wang Wen Ruey	Thành viên BKS	0
III.	**Ban Giám Đốc**		
1.	Wang Ting Shu	Tổng giám đốc	0
2.	Chen Chung Kuang	Phó TGĐ chi nhánh Hải Dương	0

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (xem chi tiết tại website công ty www.taya.com.vn)

1. Ý kiến kiểm toán

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty") , bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

KPMG

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo kiểm toán số: 13-01-273

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Lâm Thị Ngọc Hảo
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2014

4

2. Báo cáo tài chính kiểm toán chọn lọc

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**510.649.921.774**	**488.105.958.795**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**157.514.045.655**	**127.946.893.899**
Tiền	111		25.849.045.655	17.746.893.899
Các khoản tương đương tiền	112		131.665.000.000	110.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	5	**1.000.000.000**	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		1.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**197.653.755.114**	**143.397.955.943**
Phải thu khách hàng	131		190.956.760.787	143.161.649.009
Trả trước cho người bán	132		6.403.700.950	70.288.123
Các khoản phải thu khác	135		1.938.785.067	1.875.925.271
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.645.491.690)	(1.709.906.460)
Hàng tồn kho	**140**	6	**145.559.809.393**	**208.104.235.414**
Hàng tồn kho	141		146.476.637.360	210.848.264.253
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(916.827.967)	(2.744.028.839)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**8.922.311.612**	**8.656.873.539**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.622.294.356	1.908.787.616
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.092.502.756	6.488.538.002
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	67.850.421
Tài sản ngắn hạn khác	158		207.514.500	191.697.500
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	**200**		**126.546.686.102**	**145.711.878.081**
Tài sản cố định	**220**		**122.591.381.243**	**140.989.090.826**
Tài sản cố định hữu hình	221	7	121.459.748.098	140.415.316.826
Nguyên giá	222		429.862.796.174	436.179.690.860
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(308.403.048.076)	(295.764.374.034)
Tài sản cố định vô hình	227	8	415.800.000	529.200.000
Nguyên giá	228		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(151.200.000)	(37.800.000)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	715.833.145	44.574.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**3.955.304.859**	**4.722.787.255**
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.025.662.785	2.776.254.177
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	929.642.074	1.946.533.078
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**637.196.607.876**	**633.817.836.876**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

5

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**329.101.098.924**	**356.096.138.621**
Nợ ngắn hạn	**310**		**329.101.098.924**	**356.096.138.621**
Vay ngắn hạn	311	12	113.015.600.000	197.875.880.241
Phải trả người bán	312	13	179.521.022.331	128.534.895.322
Người mua trả tiền trước	313		23.068.044.821	21.673.269.915
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.776.540.290	1.288.989.749
Phải trả người lao động	315		6.063.241.869	5.583.446.661
Chi phí phải trả	316		1.668.238.367	1.061.975.115
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		988.411.246	77.681.618
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**308.095.508.952**	**277.721.698.255**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**15**	**308.095.508.952**	**277.721.698.255**
Vốn cổ phần	411	16	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	16	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	17	21.553.609.319	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		7.800.968.996	(22.572.841.701)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**637.196.607.876**	**633.817.836.876**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	7.674.294.708	1.209.007.946
Ngoại tệ	5.735.555.188	3.587.622.291

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Người lập:	Người duyệt:
Sung Hsiang Lin	Wang Ping Shu
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

6

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	**01**	**18**	**1.068.902.601.619**	**914.987.988.113**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**1.785.252.124**	**2.261.005.263**
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	**10**		**1.067.117.349.495**	**912.726.982.850**
Giá vốn hàng bán	**11**	**19**	**987.287.916.925**	**833.384.800.021**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**79.829.432.570**	**79.342.182.829**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.866.253.952	8.872.767.073
Chi phí tài chính	22	21	9.515.442.338	13.465.227.276
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*3.979.913.871*	*10.038.531.138*
Chi phí bán hàng	24		19.316.499.182	18.473.193.874
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.088.783.824	27.293.388.091
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25)}	**30**		**32.774.961.178**	**28.983.140.661**
Thu nhập khác	31	22	7.071.952.914	5.280.203.052
Chi phí khác	32		2.481.330.995	12.915.665
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**4.590.621.919**	**5.267.287.387**
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**37.365.583.097**	**34.250.428.048**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**23**	**5.974.881.396**	**-**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**23**	**1.016.891.004**	**(120.704.551)**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**30.373.810.697**	**34.371.132.599**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**24**	**1.089**	**1.232**

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Người lập:	Người duyệt:
Sung Hsiang Lin	Wang Ting Shu
Kế toán trưởng	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

7

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**37.365.583.097**	**34.250.428.048**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		22.799.524.433	23.754.094.699
Các khoản dự phòng	03		(1.891.615.642)	1.607.280.193
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		223.805.091	(1.054.074.282)
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	05		(182.116.909)	39.248.628
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.217.262.113)	(7.802.337.474)
Chi phí lãi vay	06		3.979.913.871	10.038.531.138
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**55.077.831.828**	**60.833.170.950**
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(60.407.057.632)	20.576.339.314
Biến động hàng tồn kho	10		64.371.626.893	(3.996.982.825)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		59.555.518.219	43.711.633.991
Biến động chi phí trả trước	12		268.537.589	-
			118.866.456.897	**121.124.161.430**
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.818.721.423)	(10.370.526.541)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(1.961.362.347)	(1.076.680.612)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**113.086.373.127**	**109.676.954.277**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.964.335.047)	(1.463.461.873)
Tăng các khoản đầu tư ngắn hạn			(1.000.000.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		226.690.909	31.527.273
Tiền thu lãi tiền gửi	27		7.136.553.777	7.823.347.730
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**1.398.909.639**	**6.391.413.130**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

8

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		202.490.657.574	431.606.837.343
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(287.408.940.861)	(544.778.818.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**(84.918.283.287)**	**(113.171.980.807)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**29.566.999.479**	**2.896.386.600**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**127.946.893.899**	**125.050.507.299**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**		**152.277**	**-**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**157.514.045.655**	**127.946.893.899**

Ngày 10 tháng 3 năm 2014

Người lập:

Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

9

Biên Hòa, Ngày 01 tháng 04 năm 2014
Tổng Giám Đốc

Wang Ting Shu